

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2020

Tháng 10 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 -3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5- 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.588.835.231.693	1.596.640.088.159
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	17.215.523.955	36.881.145.276
Tiền	111		17.215.523.955	36.881.145.276
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		423.749.997	398.749.997
Chứng khoán kinh doanh	121		477.409.247	477.409.247
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(53.659.250)	(78.659.250)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		734.569.444.850	733.997.245.916
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	132.911.249.305	113.589.562.202
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		83.168.042.239	95.013.432.411
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	518.490.153.306	525.394.251.303
Hàng tồn kho	140		819.101.799.607	815.250.676.384
Hàng tồn kho	141	8	819.101.799.607	815.250.676.384
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.524.713.284	10.112.270.586
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1.528.053.052	1.665.922.987
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.696.060.982	8.446.347.599
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		5.300.599.250	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		796.857.712.361	745.505.598.061
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.869.324.000	1.875.324.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.869.324.000	1.875.324.000
Tài sản cố định	220		982.817.113	1.516.939.175
Tài sản cố định hữu hình	221	11	70.431.789	251.797.692
- Nguyên giá	222		1.268.038.317	1.268.038.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.197.606.528)	(1.016.240.625)
Tài sản cố định vô hình	227	12	912.385.324	1.265.141.483
- Nguyên giá	228		2.217.956.190	2.207.506.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.305.570.866)	(942.364.707)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	101.513.522.758	101.513.522.758
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3.582.102.565	3.582.102.565
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		97.931.420.193	97.931.420.193
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	611.050.474.056	564.189.769.402
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		611.050.474.056	564.189.769.402
Tài sản dài hạn khác	260	14	81.441.574.434	76.410.042.726
Chi phí trả trước dài hạn	261		80.974.436.191	75.951.203.379
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		467.138.243	458.839.347
TỔNG TÀI SẢN	270		2.385.692.944.054	2.342.145.686.220

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/09/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.548.775.053.606	1.531.708.948.665
Nợ ngắn hạn	310		1.546.700.111.057	1.516.066.412.241
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	53.750.272.767	66.321.115.398
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		425.863.449.135	355.383.532.038
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	17.488.515.701	17.662.288.209
Phải trả người lao động	314		609.267.756	2.483.407.128
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	643.490.841	579.383.770
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	842.211.630.735	907.482.939.508
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	194.292.649.996	159.744.282.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.840.834.126	6.409.463.648
Nợ dài hạn	330		2.074.942.549	15.642.536.424
Phải trả dài hạn khác	337	18	118.800.000	172.800.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	-	13.513.593.875
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.956.142.549	1.956.142.549
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		836.917.890.448	810.436.737.555
Vốn chủ sở hữu	410	20	836.917.890.448	810.436.737.555
Vốn góp của chủ sở hữu	411		609.999.330.000	609.999.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		609.999.330.000	609.999.330.000
Cổ phiếu ngân quỹ	415		(6.460.000.000)	(5.750.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.468.110.942	8.998.760.935
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		213.198.077.297	191.466.511.914
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		176.793.136.897	136.773.011.845
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.404.940.400	54.693.500.069
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.712.372.209	5.722.134.706
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.385.692.944.054	2.342.145.686.220

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Mu

Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Th

Lê Thị Thuần



Tổng Giám đốc

Ngô Đức Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	5.427.904.040	10.185.672.969	60.769.605.224	37.003.523.682
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		2.746.873.082
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.427.904.040	10.185.672.969	60.769.605.224	34.256.650.600
Giá vốn hàng bán	11	22	597.873.164	2.541.353.836	42.237.145.112	12.064.836.239
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.830.230.876	7.644.319.133	18.532.460.112	22.191.814.361
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	517.386.267	256.221.648	636.577.871	702.859.500
Chi phí tài chính	22	24	5.377.075.746	4.922.892.489	14.290.242.738	23.046.966.431
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.065.547.398</i>	<i>3.895.387.988</i>	<i>12.359.158.586</i>	<i>20.209.374.905</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		11.180.130.827	6.623.721.785	46.860.704.654	42.259.464.550
Chi phí bán hàng	25		15.425.001	451.000.260	3.660.309.103	(1.066.158.995)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.448.428.722	3.251.825.331	17.580.036.278	13.369.898.755
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.686.818.501	5.898.544.486	30.499.154.518	29.803.432.220
Thu nhập khác	31	26	175.882.319	161.492.035	914.027.869	439.603.326
Chi phí khác	32	26	66.962.467	729.103.199	376.037.719	834.761.100
Lợi nhuận khác	40		108.919.852	(567.611.164)	537.990.150	(395.157.774)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.795.738.353	5.330.933.322	31.037.144.668	29.408.274.446
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.357.039.678	(5.349.734.340)	3.690.068.899
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(87.385.882)	(8.298.896)	(385.336.351)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.795.738.353	4.061.279.526	36.395.177.904	26.103.541.898
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		7.796.872.787	4.073.649.353	36.404.940.400	26.111.262.316
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(934.434)	(12.369.827)	(9.762.496)	(7.690.418)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	109	57	507	385
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	109	57	507	385

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Quý 3 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		31.037.144.668	29.408.274.446
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		544.572.062	547.847.898
Các khoản dự phòng	03		(25.000.000)	(56.924.000)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(114.005.707)	(702.859.500)
Chi phí lãi vay	06		12.359.158.586	20.209.374.905
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.801.869.609	49.405.713.749
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(48.897.767.725)	(98.699.949.877)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.851.123.223)	(240.796.760.342)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(8.377.946.157)	374.894.448.453
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.885.362.877)	(19.139.621.944)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(139.254.250)
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.520.873.426)	(18.139.705.982)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.699.562.013)	(5.445.375.682)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		23.461.371	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.695.154.532)	(3.211.262.109)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.102.458.972)	38.728.232.016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.450.000)	(250.560.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		122.514.072	702.859.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		112.064.072	452.299.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(710.000.000)	(100.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	296.308.976.462	257.394.869.473
Tiền trả nợ gốc vay	34	(275.274.202.883)	(285.406.582.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.324.773.579	(28.111.712.553)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(19.665.621.321)	11.068.818.963
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.881.145.276	37.682.973.123
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.215.523.955	48.751.792.086

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc ✓



Ngo Đức Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần DRH Holdings, trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ Ước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 0304266964 cấp ngày 6/3/2006 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty là 609.999.330.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Ngày 13 tháng 07 năm 2010, Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu DRH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; môi giới bất động sản và đầu tư tài chính.

1.2 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 03 công ty con trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp.

1.3 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất tại ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho quý 3 năm 2020.

4. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2020 của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ báo cáo. Việc kiểm soát đạt

được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Các Thông tư này không yêu cầu Công ty phải thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

5.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 8
Cây lâu năm	6

5.8 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.10 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

5.11 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh; Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính tại thời điểm phát sinh.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

5.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán hàng hóa và hoạt động gia công.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/09/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Tiền mặt	212.108.673	600.927.256
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.003.415.282	36.280.218.020
Tổng cộng	17.215.523.955	36.881.145.276

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Cty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Tổng cộng (VND)
Giá trị đầu tư :		
Tại 01/01/2020	380.529.474.422	380.529.474.422
Tại 30/09/2020	380.529.474.422	380.529.474.422
Phản lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết		
Tại 01/01/2020	183.660.294.980	183.660.294.980
Phản lợi nhuận công ty liên kết trong kỳ	46.860.704.654	46.860.704.654
Tại 30/09/2020	230.520.999.634	230.520.999.634
Giá trị còn lại :		
Tại 01/01/2020	564.189.769.402	564.189.769.402
Tại 30/09/2020	611.050.474.056	611.050.474.056

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/09/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Bất động sản dở dang	819.101.799.607	815.250.676.384
Tổng cộng	819.101.799.607	815.250.676.384

9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/09/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	132.911.249.305	113.589.562.202
Tổng cộng	132.911.249.305	113.589.562.202

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/09/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
Ngắn hạn	518.490.153.306	525.394.251.303
Dài hạn	1.869.324.000	1.875.324.000
Tổng cộng	520.359.477.306	527.269.575.303

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại 01/01/2020	103.832.610	-	1.164.205.707	1.268.038.317
Tại 30/09/2020	103.832.610	-	1.164.205.707	1.268.038.317
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2020	103.832.610		912.408.015	1.016.240.625
Khấu hao trong kỳ	-	-	181.365.903	181.365.903
Tại 30/09/2020	103.832.610	-	1.093.773.918	1.197.606.528
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2020	-	-	251.797.692	251.797.692
Tại 30/09/2020	-	-	70.431.789	70.431.789

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại 01/01/2020	2.207.506.190
Tăng trong kỳ	10.450.000
Tại 30/09/2020	2.217.956.190
Hao mòn lũy kế	
Tại 01/01/2020	942.364.707
Khấu hao trong kỳ	363.206.159
Tại 30/09/2020	1.305.570.866
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2020	1.265.141.483
Tại 30/09/2020	912.385.324

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Tại 30/09/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	3.582.102.565	3.582.102.565
Tổng cộng	3.582.102.565	3.582.102.565

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/09/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	1.528.053.052	1.665.922.987
Dài hạn	80.974.436.191	75.951.203.379
Tổng cộng	82.502.489.243	77.617.126.366

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/09/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người bán	53.750.272.767	66.321.115.398
Tổng cộng	53.750.272.767	66.321.115.398

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 30/09/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.228.822.404	4.723.708.506	1.613.839.859	6.338.691.051
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.212.431.945	50.639.425	3.699.562.013	10.563.509.357
Thuế thu nhập cá nhân	221.033.860	1.324.360.180	959.078.747	586.315.293
Các khoản phải nộp khác	-	101.300.696	101.300.696	-
Tổng cộng	17.662.288.209	6.200.008.807	6.373.781.315	17.488.515.701

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/09/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Lãi vay	490.990.841	111.883.770
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	100.000.000	370.000.000
Khác	52.500.000	97.500.000
Tổng cộng	643.490.841	579.383.770

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 30/09/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	842.211.630.735	907.482.939.508
Dài hạn	118.800.000	172.800.000
Tổng cộng	842.330.430.735	907.655.739.508

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 30/09/2020	Tăng	Giảm	VND Tại 01/01/2020
Vay ngắn hạn	194.292.649.996	309.822.570.337	275.274.202.883	159.744.282.542
Vay dài hạn	-	-	13.513.593.875	13.513.593.875
Tổng cộng	194.292.649.996	309.822.570.337	288.787.796.758	173.257.876.417

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/2020 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU
BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND		
Tại 01/01/2019	609.999.330.000	-	-	2.423.766.063	154.525.497.999	5.724.958.898	772.673.552.960	
Lãi trong năm	-	-	-	-	54.693.500.069	(2.824.192)	54.690.675.877	
Trích lập Quỹ ĐTPT	-	-	-	6.574.994.872	(6.574.994.872)	-	-	
Trích lập Quỹ KTPL	-	-	-	-	(9.862.492.308)	-	(9.862.492.308)	
Trích Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.314.998.974)	-	(1.314.998.974)	
Cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(5.750.000.000)	-	-	-	-	(5.750.000.000)	
Tại 31/12/2019	609.999.330.000	(5.750.000.000)	-	8.998.760.935	191.466.511.914	5.722.134.706	810.436.737.555	
Tại 01/01/2020	609.999.330.000	(5.750.000.000)	-	8.998.760.935	191.466.511.914	5.722.134.706	810.436.737.555	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	36.404.940.400	(9.762.497)	36.395.177.903	
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.469.350.007	(5.469.350.007)	-	-	
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.204.025.010)	-	(8.204.025.010)	
Trích Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)	
Cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(710.000.000)	-	-	-	-	(710.000.000)	
Tại 30/09/2020	609.999.330.000	(6.460.000.000)	-	14.468.110.942	213.198.077.297	5.712.372.209	836.917.890.448	

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Tại 01/07/2020- 30/09/2020 VND	Tại 01/07/2019- 30/09/2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.427.904.040	10.185.672.969
Tổng cộng	5.427.904.040	10.185.672.969

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tại 01/07/2020- 30/09/2020 VND	Tại 01/07/2019- 30/09/2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	597.673.164	2.541.353.836
Tổng cộng	597.673.164	2.541.353.836

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Tại 01/07/2020- 30/09/2020 VND	Tại 01/07/2019- 30/09/2019 VND
Lãi tiền gửi	40.823.578	24.557.646
Lãi đầu tư chứng khoán	451.562.689	231.664.002
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.000.000	-
Tổng cộng	517.386.267	256.221.648

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tại 01/07/2020- 30/09/2020 VND	Tại 01/07/2019- 30/09/2019 VND
Chi phí lãi vay	5.065.547.398	3.895.387.988
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	53.659.250	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	(41.159.250)	-
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	153.982.114	526.871.536
Khác	145.046.234	500.632.865
Tổng cộng	5.377.075.746	4.922.892.389

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Tại 01/07/2020- 30/09/2020 VND	Tại 01/07/2019- 30/09/2019 VND
Chi phí nhân viên	820.968.758	797.052.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.940.255.114	1.533.860.664
Chi phí khấu hao và hao mòn	105.880.385	155.000.061
Chi phí khác	581.324.465	765.912.282
Tổng cộng	3.448.428.722	3.251.825.331

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Tại 01/07/2020- 30/09/2020 VND	Tại 01/07/2019- 30/09/2019 VND
Thu nhập khác	175.882.319	161.492.035
Chi phí khác	66.962.467	729.103.199
Lợi nhuận khác	108.919.852	(567.611.164)

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/07/20- 30/09/20	Từ 01/07/19- 30/09/19
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.796.672.787	4.073.649.353
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.169.500.918)	(611.047.403)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.999.933	60.999.933
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	109	57
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	109	57

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Doanh thu cung cấp dịch vụ		Doanh thu bán bất động sản		Doanh thu bán hàng		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Từ 01/07/19-30/09/19							
Doanh thu thuần bộ phận	10.185.672.969	-	-	-	10.185.672.969		
Chi phí bộ phận	(2.541.353.836)	-	-	-	(2.541.353.836)		
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.644.319.133	-	-	-	7.644.319.133		
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(3.702.825.591)		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					3.941.493.542		
Doanh thu tài chính					256.221.648		
Phần lãi trong công ty liên kết					6.623.721.785		
Chi phí tài chính					(4.922.892.489)		
Thu nhập khác					161.492.035		
Chi phí khác					(729.103.199)		
Lợi nhuận trước thuế					5.330.933.322		
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(1.357.039.678)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					87.385.882		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.061.279.526		
Tổng tài sản					2.561.397.110.034		
Tổng nợ phải trả					1.773.897.506.459		

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/07/20-30/09/20	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu bán bất động sản VND	Doanh thu bán hàng VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	5.427.904.040	-	-	5.427.904.040
Chi phí bộ phận	(597.673.164)	-	-	(597.673.164)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.830.230.876	-	-	4.830.230.876
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3.463.853.723)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.366.377.153
Doanh thu tài chính				517.386.267
Phản lãi trong công ty liên kết				11.180.130.827
Chi phí tài chính				(5.377.075.746)
Thu nhập khác				175.882.319
Chi phí khác				(66.962.467)
Lợi nhuận trước thuế				7.795.738.353
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.795.738.353
Tổng tài sản				2.385.692.944.054
Tổng nợ phải trả				1.548.775.053.606

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/09/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.215.523.955	36.881.145.276	
Đầu tư ngắn hạn	423.749.997	398.749.997	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	470.850.352.441	441.682.479.916	
Tổng cộng	488.489.626.393	478.962.375.189	
Công nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	194.292.649.996	173.257.876.417	
Phải trả người bán và phải trả khác	1.322.553.420.393	1.331.843.794.072	
Chi phí phải trả	643.490.841	579.383.770	
Tổng cộng	1.517.489.561.230	1.505.681.054.259	
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/09/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.322.434.620.393	118.800.000	1.322.553.420.393
Chi phí phải trả	643.490.841	-	643.490.841
Vay và nợ thuê tài chính	194.292.649.996	-	194.292.649.996
Cộng	1.517.370.761.230	118.800.000	1.517.489.561.230
Tại 01/01/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.331.670.994.072	172.800.000	1.331.843.794.072
Chi phí phải trả	579.383.770	-	579.383.770
Vay và nợ thuê tài chính	159.744.282.542	13.513.593.875	173.257.876.417
Cộng	1.491.994.660.384	13.686.393.875	1.505.681.054.259

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/07/20 đến 30/09/20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/09/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.215.523.955	-	17.215.523.955
Đầu tư ngắn hạn	423.749.997	-	423.749.997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	468.981.028.441	1.869.324.000	470.850.352.441
Cộng	486.620.302.393	1.869.324.000	488.489.626.393
Tại 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.881.145.276	-	36.881.145.276
Đầu tư ngắn hạn	398.749.997	-	398.749.997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	439.807.155.916	1.875.324.000	441.682.479.916
Cộng	477.087.051.189	1.875.324.000	478.962.375.189

**30 CÁC THÔNG TIN KHÁC
30.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30.2 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu



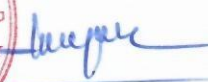
Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám Đốc

Ngô Đức Sơn